TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Trí;

2. Ông Đỗ Trọng Hoành.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Bình - Thư ký tòa án ND huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện viên kiểm sát tham gia phiên tòa*: Ông Đỗ Văn Huy - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST- HNGĐ ngày *09* tháng 7 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020, và quyết định hoãn phiên tòa số 27 ngày 04/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: X.C, xã X.T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1988;

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: X.C, xã X.T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, và bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H tự nguyện tìm H nhau tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã X.T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/02/2010.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Hiếu thay đổi tính tình, cờ bạc rượu chè, thường xuyên kiếm chuyện gây gổ với chị, thậm chi có lần còn cầm dao đe dọa giết chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Y.N, sinh ngày 08/10/2010, chị T nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến, bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Anh đã mắc sai lầm khi ở trong Bình Dương, bây giờ anh đã làm lại từ đầu để cho vợ và con được hạnh phúc như bao gia đình khác, anh đang còn yêu thương vợ nên anh đề nghị tòa án hủy vụ án để anh có cơ hội bù đắp lại cho vợ.

Về con chung: Anh Hiếu công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Y.N, sinh ngày 08/10/2010, anh không đồng ý ly hôn nên anh không đề nghị tòa án giao con cho ai nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2020, cháu Hoàng Thị Y.N có nguyện vọng được ở với bố.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của tòa án và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy đinh của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con; Bị đơn anh Hoàng Văn H, có địa chỉ cư trú tại xã X.T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Nguyên đơn, chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tung dân sự, xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X.T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/02/2010, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, do anh H thường xuyên rượu chè, đánh đập chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020, anh H cũng công nhận bản thân có mắc sai lầm đối với vợ khi vợ chồng sống chung trong tỉnh Bình Dương. Như vậy mâu thuẫn quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn H đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Y.N, sinh ngày 08/10/2010.

Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án anh H không có quan điểm, ý kiến gì về việc giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Hoàng Thị Y.N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của chị T, do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4]. Về tài sản và công nợ: Hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; các Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

- ***Về hôn nhân***: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H.

- ***Về con chung***: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Y.N, sinh ngày 08/10/2010.

Giao cháu Hoàng Thị Y.N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- ***Về tài sản:*** Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000d theo biên lai thu số AA/2016/0042739 ngày 16/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điêu 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS T.X B. C, Bình Dương;
- UBND xã X.T, huyện Thọ Xuân.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng